

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2025
V/v: “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Văn Công Trọn**

2. Bà **Nguyễn Huỳnh Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hương** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông **Trương Chí Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lương Chí L**, sinh năm 1988, địa chỉ cư trú: Khóm 5, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Nay là ấp 5, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị **Huỳnh Cẩm C**, sinh năm 1991, địa chỉ cư trú: Ấp Trùm Thuật B, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Nay là ấp Trùm Thuật B, xã Khánh Hưng, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Trần Anh H**, sinh năm 1960, địa chỉ cư trú: Khóm 5, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Nay là ấp 5, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau.

- Tại phiên toà: Chị C có mặt, anh L và bà H có mặt, nhưng anh L và bà H có mặt phiên toà ngày 11/8/2025.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Nguyên đơn anh Lương Chí L trình bày:**

- Về hôn nhân: Nguyên đơn và chị C xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình sống chung, vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không còn hạnh phúc. Nay, nguyên đơn nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với chị C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Lương Gia P, sinh ngày 15/11/2023 (giới tính: Nam). Khi ly hôn, nguyên đơn đồng ý giao cháu P cho chị C được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu P số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Vợ chồng chỉ có 19 chỉ vàng 24k và 01 cặp nhẫn cưới vàng 18k, số vàng này là do nguyên đơn tự mua, cha mẹ ruột không có cho. Trước khi cưới, nguyên đơn nói với chị C là có mượn người anh thứ hai 01 cây vàng 24k, còn lại 09 chỉ vàng 24k do vợ chồng tự mua. Chị C và nguyên đơn cùng ra tiệm vàng mua 09 chỉ vàng 24k, chị C có đưa ra 30 triệu đồng, mượn của người khác 20 triệu đồng, còn lại vợ chồng tự bù để mua 09 chỉ vàng 24k. Như vậy, số vàng 19 chỉ vàng 24k, đã trả cho người anh thứ hai 01 cây vàng 24k, do mượn trước đó, còn lại 09 chỉ vàng 24k và cặp nhẫn hiện do chị C giữ.

- Về nợ: Không có.

***/ Bị đơn chị Huỳnh Cẩm C trình bày:**

- Về hôn nhân: Bị đơn đồng ý ly hôn với anh L.

- Về con chung: Bị đơn đồng ý nuôi cháu Lương Gia P, sinh ngày 15/11/2023 (giới tính: N), đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Bị đơn đồng ý việc anh L cấp dưỡng nuôi cháu P số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Là 02 cây vàng 24k. Khi về sống chung với anh L, anh L nói cha mẹ chồng chỉ cho 01 cây vàng 24k, còn lại 01 cây vàng 24k do anh L tự lo. Anh L1 có mượn tiền, vàng của người khác để anh L1 mua 01 cây vàng 24k, anh L1 kêu bị đơn bán 01 cây vàng này để trả nợ, sau đó vợ chồng bán 01 cây để trả nợ xong, còn lại 01 cây vàng 24k (trong đó có 01 dây chuyền, 01 tấm lắc), bà H nói số vàng này mượn của người chị dâu thứ 2 để cho vợ chồng, bà H muốn mượn lại số vàng này để trả cho người chị dâu thứ 2, sau này bà H có tiền sẽ mua 01 cây vàng 24k khác để trả lại cho vợ chồng bị đơn, nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả. Thời gian sau, anh L1 nói bà H hỏi bị đơn 04 chỉ vàng 24k (nhẫn khâu 02 chiếc) là

tài sản riêng của bị đơn, bị đơn đồng ý giao số vàng này cho anh L1, anh L1 đưa cho bà H mượn, nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả. Việc cho bà H mượn tổng cộng 14 chỉ vàng 24k không có làm giấy tờ gì, do là bên chồng là anh L1, bà H là mẹ chồng. Nay, chị C yêu cầu đổi với 10 chỉ vàng 24k mà anh L1 yêu cầu bị đơn bán trả nợ, nợ này là trách nhiệm của anh L1, bị đơn yêu cầu anh L1 phải giao lại cho bị đơn 05 chỉ vàng 24k, đổi với 14 chỉ vàng 24k do bà H mượn, bị đơn yêu cầu bà H phải giao trả riêng của bị đơn là 4 chỉ, còn 10 chỉ bị đơn và anh L1 chia đôi. Ngoài, trước đây bị đơn có yêu cầu anh L1 hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng, nhưng nay bị đơn xin rút lại.

***/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Trần Ánh H** trình bày:**

Khi anh L1 cưới chị C, tôi (H) có cho L1 – Chúc 01 chỉ vàng 24k (cho lúc đính hôn). Việc chị C nói tôi (H) mượn của vợ chồng L1 – Chúc 14 chỉ vàng 24k là không có, không đồng ý theo yêu cầu của chị C đặt ra.

Tại phiên toà:

- Phiên toà diễn ra ngày 11/8/2025, anh L1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà H giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

- Phiên toà diễn ra ngày 28/8/2025:

+ Anh L1 và bà H vắng mặt.

+ Chị C có mặt, các ý kiến như đã trình bày về hôn nhân, con chung, nợ chị C giữ nguyên, đổi với yêu cầu phản tố ngày 10/3/2025, như: Yêu cầu anh L1 phải giao lại cho chị C 05 chỉ vàng 24k và số tiền 30.000.000 đồng, buộc bà H giao trả cho chị C 14 chỉ vàng 24k, chị C xin rút lại.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Riêng nguyên đơn anh L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H có mặt tại phiên tòa ngày 11/8/2025, vắng mặt tại phiên tòa hôm nay là đã thực hiện không đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự, do không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án.

2/ Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L1.

- Về hôn nhân: Cho anh L1 được ly hôn với chị C.

- Về con chung: Giao cháu Lương Gia P, sinh ngày 15/11/2023 (giới tính: Nam), cho chị Huỳnh Cẩm C được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Gia P đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh L1 về việc đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Lương Gia P, sinh ngày 15/11/2023 (giới tính: Nam) số tiền 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu Gia P đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị C về việc yêu cầu anh L1 phải giao lại cho chị C 05 chỉ vàng 24k và số tiền 30.000.000 đồng, buộc bà H giao trả cho chị C và anh L1 14 chỉ vàng 24k, trong đó riêng của chị C là 04 chỉ.

- Về nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

- Về án phí đề nghị xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Nguyên đơn là anh L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H có mặt phiên tòa ngày 11/8/2025, vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Được xác định là “Tranh chấp về Ly hôn”, do bị đơn là chị C có nơi cư trú tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, nay là ấp T, xã K, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 63 do Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 03/3/2023, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh L1 và chị C được xem là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L1 và chị C xác định hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, anh L1 và chị C thống nhất ly hôn.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: “Điều 4. Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. 3. “Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng;”.

Xét, hôn nhân giữa anh L1 và chị C đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của anh L1 là có căn cứ được chấp nhận, cho anh L1 được ly hôn với chị C, là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Anh L1 và chị C có chung 01 người con tên là Lương Gia P, sinh ngày 15/11/2023 (giới tính: Nam), hiện chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, anh L1 đồng ý giao cháu P cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, cho đến khi cháu P đủ tuổi trưởng thành, chị C cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu P.

Do đó, cần giao cháu P cho chị C được quyền nuôi dưỡng, cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, phù hợp với khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, phù hợp với ý kiến của các bên đặt ra.

[2.3] Về cấp dưỡng:

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ngày 11/8/2025 anh L1 đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu P đến tuổi trưởng thành số tiền 2.000.000 đồng/tháng, chị C đồng ý.

Xét, theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, ..., trong trường hợp không sống chung với con”, việc anh L1 đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu P là có cơ sở.

Về thời gian cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, quy định: “Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con

chưa thành niên, ..., ... phát sinh kể từ thời điểm cha, mẹ không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con, ...”.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L1 cũng như chị C không có ý kiến cụ thể về thời gian cấp dưỡng, do đó cần xác định thời gian để tính cấp dưỡng của anh L1 đối với cháu P được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/8/2025, việc anh L1 cấp dưỡng là cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản:

Tại phiên toà, chị C rút lại yêu cầu phản tố ngày 10/3/2025.

Xét, việc rút yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ phần yêu cầu phản tố của chị C là phù hợp.

[2.5] Về nợ: Anh L1 và chị C không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L1, anh L1 phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Các điều 51, 55, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.
- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Chí L.

1/ Về hôn nhân: Cho anh Lương Chí L được ly hôn với chị Huỳnh Cẩm C.

2/ Về con chung: Giao cháu Lương Gia P, sinh ngày 15/11/2023 (giới tính: Nam), cho chị Huỳnh Cẩm C được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Gia P đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lương Chí L về việc đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Lương Gia P, sinh ngày 15/11/2023 (giới tính: Nam) số tiền 2.000.000 đồng – Hai triệu đồng/tháng, cho đến khi cháu Gia P đủ 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 28/8/2025.

Người được nhận tiền cấp dưỡng là chị Huỳnh Cẩm C.

Kể từ ngày chị Huỳnh Cẩm C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lương Chí L không thi hành xong khoản tiền trên, anh Lương Chí L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

4/ Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Cẩm C về việc yêu cầu anh Lương Chí L phải giao lại cho chị C 05 chỉ vàng 24k và số tiền 30.000.000 đồng, buộc bà Trần Ánh H giao trả cho chị C và anh L 14 chỉ vàng 24k, trong đó riêng của chị C là 04 chỉ.

5/ Về nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

6/ Về án phí:

- Anh Lương Chí L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng anh L đã dự nộp tại Biên lai thu 0005185 ngày 10/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, nay anh L còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Chị Huỳnh Cẩm C được nhận lại tạm ứng án phí số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tại Biên lai thu 0005363 ngày 21/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

7/ Về quyền kháng cáo:

- Chị Huỳnh Cẩm C được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Lương Chí L và bà Trần Ánh H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (03b);
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Quang